

Bản án số: **239/2020/HSPT**

Ngày: 18 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B Định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 376/2019/TLPT-HS ngày 14 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo **Ngô Thị H và đồng phạm** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của các bị cáo và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HS-ST ngày 30-9-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B Định. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1496/2020/QĐXXPT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2020.

- Bị cáo:

1. Ngô Thị H - Sinh năm: 1972 tại Nghệ An; nơi cư trú: B Định; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Ngô Văn L (chết) và bà Lê Thị T (chết); chồng: Đặng Văn L sinh năm 1974, con: Có 04 người lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 06.01.2016 bị Cơ quan CSĐT công an huyện H khởi tố bị can về tội “Cố ý gây thương tích” và ngày 20.7.2016 TAND huyện H đình chỉ điều tra vụ án; Ngày 29.11.2016 bị TAND tỉnh B Định xét xử về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” với mức án 02 năm tù. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15.5.2018; có mặt.

- Các bị cáo có kháng cáo:

2. Trương Văn L - Sinh năm: 1979 tại B Định; nơi cư trú: huyện H, B Định; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: mẫu giáo/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Trương M (chết) và bà Lê Thị M, sinh năm 1944; vợ: Phạm Thị N, sinh năm 1981, con: Có 02 người lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Tốt; bị cáo bị truy nã đến ngày 26.5.2017 ra đầu thú và tạm giam đến 19.01.2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; vắng mặt.

3. Đỗ R - Sinh năm: 1953 tại B Định; nơi cư trú: huyện H, B Định; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Đỗ G (chết) và bà Trịnh Thị K (chết); vợ: Trịnh Thị C, sinh năm 1958, con: Có 02 người lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; vắng mặt.

4. Võ Hoàng T - Sinh năm: 1968 tại B Định; nơi cư trú: huyện H, B Định; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Võ Văn M (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1927; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1964, con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; đã chết ngày 27/3/2020.

5. Nguyễn C - Sinh năm: 1954 tại B Định; nơi cư trú: huyện H, B Định; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Nguyễn C (chết) và bà Đỗ Thị B (chết); vợ: Huỳnh Thị V, sinh năm 1955, con: Có 02 người, lớn nhất sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; vắng mặt.

6. Cao Văn S - Sinh năm: 1980 tại B Định; nơi cư trú: Huyện H, B Định; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Cao Văn S, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị V sinh năm 1959; vợ: V Thị Mỹ K, sinh năm 1982, con: Có 02 người lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Tốt; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

** Người bào chữa:*

- Ông Nguyễn Văn T - Luật sư hoạt động tại Văn phòng luật sư T và Cộng sự – Đoàn luật sư tỉnh B Định bào chữa cho bị cáo Nguyễn C; có mặt.

- Ông Nguyễn T4 V - Luật sư hoạt động tại Văn phòng luật sư N – Đoàn luật sư tỉnh B Định bào chữa cho bị cáo Đỗ R và Trương Văn L; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Đinh Văn M - sinh năm 1977. Người đại diện theo ủy quyền có bà: Võ Thị L, theo Giấy ủy quyền ngày 15/9/2020 số chứng thực 13226 UBND phường H; có mặt.

Nơi cư trú: H, H, B Định.

- Nguyễn Thị N - sinh năm 1954; có mặt.

Nơi cư trú: H, H, B Định.

- Đỗ Văn G - sinh năm 1975; có mặt.

Nơi cư trú: H, H, B Định.

- Đỗ Văn N - sinh năm 1970. Người đại diện theo ủy quyền có bà Phan Thị L, theo Giấy ủy quyền số 13225 ngày 15/9/2020 chứng thực UBND phường H; có mặt.

Nơi cư trú: H, H, B Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Văn M, bà Nguyễn Thị N, ông Đỗ Văn G, ông Đỗ Văn N: Luật sư Nguyễn Hữu H - Công ty luật TNHH MTV Luật Việt N; địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Võ T T - sinh năm 1969.

Nơi cư trú: H, H, B Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có một số bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích, hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản và dịch vụ hải sản trên các vùng biển xa, theo đó các chủ tàu cá đăng ký hoạt động khai thác hải sản trên các vùng biển xa mỗi năm được nhà nước hỗ trợ tiền chi phí nhiên liệu tối đa 04 chuyến biển, mỗi chuyến biển được hỗ trợ từ 18 triệu đồng đến 100 triệu đồng tùy theo công suất tàu cá. Điều kiện để được hỗ trợ là: Tàu cá

phải đăng ký khai thác hải sản trên vùng biển xa, mỗi chuyến tàu cá có hoạt động trên vùng biển xa ít nhất là 15 ngày theo vùng biển quy định và xác nhận của Ủy ban nhân dân các đảo thuộc quần đảo, Hải quân Hoàng Sa, Trường Sa hoặc nhắn tin máy định vị tầm xa (gọi tắt là máy HF) và phải làm hồ sơ xin hỗ trợ theo quy định. Kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Để được hỗ trợ chi phí nhiên liệu cho tàu cá khai thác hải sản vùng biển xa, ngư dân phải nộp hồ sơ xin hỗ trợ cho Chi cục Thủy sản để thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt và chi tiền hỗ trợ. Hồ sơ xin hỗ trợ chi phí nhiên liệu gồm: Đơn xin hỗ trợ chi phí nhiên liệu cho tàu cá khai thác hải sản xa bờ; Giấy phép khai thác hải sản; Giấy xác nhận tàu cá có khai thác hải sản trên vùng biển xa của Chỉ huy các đảo xa, hoặc xác nhận vị trí tàu cá hoạt động vùng biển xa (theo mẫu Giấy phụ lục 4a hoặc 4b do Chi Cục Thủy sản cấp; Xác nhận tàu cá xuất, nhập bến của Đồn, Trạm Biên phòng cảng vào Giấy phụ lục 4a hoặc Sổ Danh bạ thuyền viên; Nhật ký khai thác hải sản trong chuyến đi biển; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.

L dụng chính sách này, từ năm 2012 đến năm 2016, thực tế một số tàu cá không khai thác hải sản trên vùng biển xa, cũng không vào các đảo Hoàng Sa, Trường Sa...để ký giấy xác nhận khai thác tàu cá hoặc không nhắn tin định vị tầm xa (máy HF) nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ chi phí nhiên liệu theo quy định của Nhà nước mà các chủ tàu cá đã thông qua Nguyễn T D, Nguyễn Thị T T, Phạm Văn T1, Đặng Hoàng T2, Lê Văn G , Lê Văn V, Huỳnh Thị Bích H, Phan Thị N làm khống hồ sơ, bằng hình thức ký khống giấy xác nhận đảo và nhắn tin máy HF để nhận tiền hỗ trợ. Để làm được hồ sơ, Nguyễn Thị T T, Đặng Hoàng T2 nhận các giấy tờ tàu cá rồi gửi cho Ngô Thị H để ký khống giấy xác nhận đảo rồi đưa lại cho Đặng Hoàng T2 để T2 hướng dẫn chủ tàu cá làm đơn đề nghị hỗ trợ chi phí nhiên liệu, viết sổ nhật ký khai thác. Tương tự như trên, Lê Văn G nhận hồ sơ của các chủ tàu cá rồi gửi cho Võ Thị Kim T4 để ký khống giấy xác nhận đảo khống hồ sơ cho các tàu cá. Còn Ngô Thị H đã trực tiếp nhận giấy tờ của các chủ tàu như: Sổ danh bạ thuyền viên, sổ nhật ký khai thác hải sản, giấy chứng nhận an toàn tàu cá rồi liên hệ với Võ Thị Kim T4 để mua giấy xác nhận đảo đã được các đảo trưởng ký sẵn bán với giá 2,5 triệu đồng đến 03 triệu đồng/01 giấy. Mua của Nguyễn Văn L với giá 03 triệu đồng/01 giấy, cộng với tiền nhờ L đăng ký danh sách hải quân vùng 4 với giá 1,5 triệu đồng; Mua của Ngô Chí T, Đặng N N, Lê N P, Lương Duy H, Phạm Văn L và tên T (không rõ họ tên ở C) với giá từ 2,5 triệu đồng đến 05 triệu đồng/01 giấy; Để ký xác nhận xuất, nhập bến thì Ngô Thị H thuê tên T, hoặc N (không rõ họ tên) là thuyền trưởng của 02 tàu cá của mình và tên Tín (không rõ họ tên địa chỉ) đi ký xác nhận giấy xuất, nhập bến với giá 4,5 triệu đồng/01 lần và H liên hệ với

các đơn trưởng như: Nguyễn Hữu B, Nguyễn Đình D, Phan H T ký không xuất nhập bến với giá từ 01 triệu đến 02 triệu đồng/01 lần xuất, nhập. Còn đối với việc nhấn tin bằng máy nhấn tin HF thì H thuê Lê Văn H và Cao Văn S cứ mỗi lần nhấn được 05 tin thành công thì H trả tiền công cho Cao Văn S và Lê Văn H với giá từ 40 triệu đồng đến 70 triệu đồng.

Như vậy, từ năm 2012 đến năm 2016, có 183 chủ tàu cá đã thông qua Ngô Thị H, Nguyễn Thị T T, Huỳnh Thị Bích H, Phạm Văn T1, Nguyễn Thiện Q, Nguyễn T D, Đặng Hoàng T2, Lê Văn G , Lê Văn V, Ngô Thị H và tên P (không rõ họ tên) làm không 928 hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu chiếm đoạt của Nhà nước 40.051.000.000đ; Trong đó, Ngô Thị H khai nhận đã mua giấy xác nhận đảo của Nguyễn Văn L, Ngô Chí T, Lương Duy H, Đặng N N và tên T (không rõ họ tên) mua của Võ Thị Kim T4, Phan Thị N, Lê Văn V để làm không cho 183 chủ tàu với số lượng 885 hồ sơ, chiếm đoạt 37.762.000.000đ, các chủ tàu cá đã khắc phục hậu quả 32.504.000.000 đồng. Còn lại 7.547.000.000đ các chủ tàu cá chưa khắc phục được. Riêng Ngô Thị H được các chủ tàu cá đã chi trả với số tiền 9.200.300.000 đồng. Còn Huỳnh Thị Bích H, Phạm Văn T1, Nguyễn Thiện Q, Nguyễn Thị T T, Nguyễn T D, Đặng Hoàng T2, Lê Văn G , Lê Văn V và tên P (không rõ họ tên) làm hồ sơ cho 16 chủ tàu, với số lượng 43 hồ sơ, chiếm đoạt 2.289.000.000đ các chủ tàu đã trả tiền công với số tiền 688.000.000đ; cụ thể như sau:

*** 03 tàu cá của Ngô Thị H đã làm giả 32 hồ sơ, chiếm đoạt 1.655.000.000đ/27 hồ sơ, chưa khắc phục hậu quả; cụ thể;**

1. Tàu cá BD 96389TS do Đặng Văn L (chồng H) đứng tên chủ sở hữu. Đặng Văn L khai nhận quá trình khai thác hải sản, tàu cá thực tế không khai thác vùng biển xa, nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ chi phí nhiên liệu theo quy định. Nhưng từ năm 2013 đến 2015, Ngô Thị H đã nhờ ký không giấy xác nhận tàu cá khai thác hải sản vùng biển xa và gửi máy nhấn tin HF (cho một người không rõ họ tên) đến vùng biển xa nhấn tin làm không 12 hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu, chiếm đoạt của Nhà nước 455.000.000 đồng/09 hồ sơ.

Cách thức làm hồ sơ như sau: Năm 2013, Đặng Văn L đã tháo máy nhấn tin HF trên tàu và đưa sổ danh bạ thuyền viên cho Ngô Thị H để làm giả 12 hồ sơ bằng hình thức ký giấy xác nhận đảo và nhấn tin máy HF. Sau khi ký xong hoàn chỉnh hồ sơ rồi mang đi nộp tại Trạm Thủy sản huyện H. Sau đó, viết giấy ủy quyền cho Ngô Thị H đến kho bạc Nhà nước huyện H nhận tiền hỗ trợ.

2. Tàu cá BD97208TS do Đặng Hà B (con trai của H) đứng tên chủ sở hữu.

Năm 2014, Ngô Thị H mua tàu cá này và đứng tên chủ sở hữu là Đặng Hà B và thuê một người tên N (ở Vũng Tàu) làm thuyền trưởng và đi biển cho tàu cá này. T tể tàu cá này, không khai thác hải sản vùng biển xa nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ chi phí nhiên liệu theo quy định. Từ năm 2014 đến 2016, Ngô Thị H đã thông qua các cán bộ Hải quân như Ngô Chí T, Lương Duy H, Đặng N N và tên T (không rõ họ tên) nhờ ký khống giấy xác nhận tàu cá khai thác hải sản vùng biển xa, làm 10 hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu cho tàu cá, chiếm đoạt của Nhà nước 600.000.000 đồng/08 hồ sơ. Tuy nhiên, quá trình điều tra H khai lại là dùng tàu cá BD 97208TS do N (không rõ họ tên địa chỉ) làm thuyền trưởng mang mẫu giấy xác nhận đảo, rồi nhờ các đảo trưởng ký khống giấy xác nhận. Cơ quan điều tra đã xác minh, nhưng chưa xác định được người có tên N (không rõ họ, tên địa chỉ) là thuyền trưởng tàu cá nêu trên.

3. Tàu cá BD 96318 TS do Nguyễn Quyết T đứng tên chủ sở hữu

Đầu năm 2014, Ngô Thị H mua tàu cá BD96318TS và lấy tên cháu ruột là Nguyễn Quyết T đứng tên chủ sở hữu. T tể, Nguyễn Quyết T không đi biển trên tàu cá này, mà Ngô Thị H thuê một người tên T (không rõ lai lịch, ở Vũng Tàu) làm thuyền trưởng. Tàu cá này được Chi cục Thủy sản B Định lắp đặt một máy nhấn tin định vị HF để nhấn tin làm hồ sơ hỗ trợ nhưng Ngô Thị H đã gửi máy nhấn tin HF cho Lê Văn H mang đến biển xa nhấn tin làm khống 10 hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu, chiếm đoạt của Nhà nước 600.000.000 đồng/08 hồ sơ.

Tiếp đến tháng 05 năm 2016, để tiếp tục làm hồ sơ cho tàu cá này, H đã gửi Sổ danh bạ thuyền viên cho Huỳnh Thị G để ký khống xuất nhập bến thì bị phát hiện và tạm giữ sổ danh bạ nêu trên. Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh tên T ở đâu để tiến hành lấy lời khai để điều tra.

*** Các bị cáo là đối tượng môi giới giúp Ngô Thị H đi ký giấy xác nhận đảo, mang máy HF nhấn tin và bán giấy xác nhận đảo cho Ngô Thị H giả hồ sơ cho các chủ tàu cá, cụ thể như sau:**

1. Lê Văn H chủ sở hữu tàu cá BD 96326 TS. Tàu cá này được Chi cục Thủy sản B Định lắp đặt một máy nhấn tin định vị HF. Năm 2015 đến 2016, Ngô Thị H bàn bạc với vợ, chồng Lê Văn H, Huỳnh Thị G mang một số mẫu giấy xác nhận đảo và máy HF đến đảo xa để ký xác nhận và nhấn tin định vị máy HF giúp Ngô Thị H làm hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu cho các tàu cá, Ngô Thị H thỏa thuận trả tiền công cho Lê Văn H mỗi chuyến ký giấy xác nhận một đảo là 40.000.000 đồng, nếu ký xác nhận 02 đảo là 70.000.000đ. Còn việc nhấn tin máy HF, nếu nhấn tin thành công được trả 4.000.000 đồng. Hai bên thống nhất thì Ngô Thị H đã 06 lần thuê Lê Văn H mang mẫu giấy xác nhận đảo đến các đảo xa như: Đảo An Bang, đảo S Ca ký khống và mang máy nhấn tin HF

của các tàu cá đến vùng biển xa để nhắn tin giúp Ngô Thị H làm hồ sơ cho 19 chủ tàu cá như Đỗ T, Trương Văn L, Nguyễn Văn N, Nguyễn V, Đinh Văn M, Trương Văn H, Tôn Văn L, Trần Viết P, Phan Cơ L, Nguyễn C, Đỗ R, Võ Hoàng T, Nguyễn Đ, Võ Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn P, Trần T làm không 30 hồ sơ chiếm đoạt của Nhà nước 1.415.000.000 đồng. Ngô Thị H trả tiền cho vợ, chồng Lê Văn H tổng cộng 300.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tiến hành đối chất với Ngô Thị H thì H chỉ thừa nhận có thuê vợ chồng Lê Văn H mang mẫu giấy xác nhận đảo và máy nhắn tin HF để thực hiện việc làm hồ sơ cho các chủ tàu cá nêu trên, nhưng chỉ trả tiền công cho vợ chồng Lê Văn H là 100.000.000đ.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 5/2016, Ngô Thị H tiếp tục gửi 15 sổ danh bạ thuyền viên của 15 tàu cá và 4.500.000đ cho Huỳnh Thị G mang vào Bến C, tỉnh Ninh Thuận để ký không nhập bến, nhưng chưa ký được thì bị phát hiện kiểm tra và tạm giữ 15 sổ danh bạ thuyền viên và 4.500.000đ để xác minh xử lý.

2. Nguyễn Văn L. Thông qua mối quan hệ quen biết với các đảo trưởng như Ngô Chí T, Lương Duy H, V Minh T, Lê N P và biết được Ngô Thị H có nhu cầu mua giấy xác nhận đảo đã được các đảo trưởng ký sẵn để làm hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu. Từ năm 2012 đến 2015, Nguyễn Văn L liên hệ với các đảo trưởng mua nhiều giấy xác nhận đảo đã được ký sẵn với giá 1.800.000đ đến 2.000.000đ, rồi bán lại cho Ngô Thị H với giá 2.000.000đ đến 2.300.000đ để giúp Ngô Thị H làm hồ sơ giả cho các chủ tàu cá, nhưng L không nhớ bán cho H bao nhiêu giấy xác nhận đảo không và được Ngô Thị H chuyển tiền vào tài khoản của L và Ngô Thị S (vợ L), Nguyễn Thị Kim O (con L) với số tiền 1.201.000.000đ.

Ngoài ra, năm 2012 đến 2015, Nguyễn Văn L đã bán giấy xác nhận đảo cho Huỳnh Thị Bích H, Lê Văn V, Phan Thị N, Nguyễn Thị Thu H làm hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu. Tuy nhiên, qua thu thập chứng từ tại ngân hàng xác định Huỳnh Thị Bích H, Lê Văn V, Phan Thị N, Nguyễn Thị Thu H đã chuyển vào tài khoản ngân hàng cho Nguyễn Văn L và người thân của L là 1.866.000.000 đồng tiền. Nguyễn Văn L đã nhiều lần chi trả cho các đảo trưởng bằng tiền mặt và qua sổ tài khoản của gia đình như Ngô Chí T, V Minh T, Lương Duy H, Lê N P với số tiền 1.646.000.000đ (trong đó chuyển qua tài khoản với số tiền 1.190.000.000đ, còn lại 435.500.000đ chi trả bằng tiền mặt), còn lại 180.000.000đ L hưởng lợi (tức 200.000 đồng/giấy). Nguyễn Văn L đã nộp lại số tiền 180.000.000 đồng nêu trên cho Cơ quan điều tra.

3. Nguyễn Phước P chủ sở hữu tàu cá BD 97147 TS. Từ năm 2014 đến 2016, Nguyễn Phước P gặp Ngô Thị H đặt vấn đề làm hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu cho tàu cá thì được H đồng ý và thỏa thuận tiền công làm giả là 18.000.000

đồng/01 hồ sơ. Sau khi thống nhất, Nguyễn Phước P về nhà lấy giấy tờ tàu cá đưa cho Ngô Thị H để H gửi đi ký giấy xác nhận đảo và hướng dẫn chủ tàu viết đơn đề nghị hỗ trợ, viết sổ nhật ký khai thác hải sản, pho tô công chứng hoàn chỉnh hồ sơ mang đi nộp tại Trạm thủy sản H. Ngô Thị H đã giúp Nguyễn Phước P làm không 12 hồ sơ, chiếm đoạt của Nhà nước 900.000.000 đồng/12 hồ sơ. Gia đình P đã trả tiền công cho Ngô Thị H là 164.000.000 đồng/08 hồ sơ. Riêng năm 2016, P chưa trả tiền công làm hồ sơ cho Ngô Thị H vì H đã bị bắt. Gia đình chủ tàu cá khắc phục hậu quả 290.000.000 đồng. Còn lại số tiền 610.000.000đ chưa khắc phục.

4. Trương Văn L là chủ sở hữu tàu cá BĐ 95694 TS. Từ năm 2013 đến 2016, Trương Văn L và vợ Phạm Thị N đã thông qua Ngô Thị H làm không hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu và thỏa thuận tiền công làm hồ sơ là 17.000.000đ đến 18.000.000đ/01 hồ sơ. Sau khi thống nhất, Phạm Thị N cung cấp giấy tờ tàu cá cho Ngô Thị H để H gửi cho Võ Thị Kim T4 ký xuất, nhập bến với giá 700.000đ/ lần, còn giấy xác nhận đảo thì H mua của Nguyễn Văn L, Ngô Chí T và thuê Lê Văn H đi ký không giấy xác nhận đảo. Sau khi ký xong, Ngô Thị H đã làm không 14 hồ sơ, chiếm đoạt của Nhà nước 885.000.000 đồng/12 hồ sơ. Gia đình chủ tàu đã khắc phục hậu quả 240.000.000đ, còn 645.000.000đ chưa khắc phục được.

5. Bùi Xuân V: Bùi Xuân V đứng tên chủ sở hữu tàu cá BĐ 97127TS, nhưng thực tế tàu cá này là của bà Võ Thị T (bà ngoại của V), Bùi Xuân V chỉ đứng tên. Từ năm 2013 - 2016, bà Võ Thị T đã đặt vấn đề với Ngô Thị H làm giả hồ sơ thì được H đồng ý và thỏa thuận tiền công là 35.000.000 đồng/hồ sơ. Sau đó, Võ Thị T cung cấp giấy tờ tàu cá cho Ngô Thị H để H gửi cho Tín đi ký xuất nhập bến. H chi trả cho Tín với giá 4.000.000đ/01 lần ký; còn giấy xác nhận đảo thì H mua của T (không rõ địa chỉ) giúp chủ tàu cá làm không 14 hồ sơ, chiếm đoạt của Nhà nước 750.000.000 đồng/10 hồ sơ, đã khắc phục hậu quả 300.000.000đ. Còn 450.000.000đ chưa khắc phục cho Nhà nước, nhưng đã trả tiền công cho Ngô Thị H 350.000.000 đồng/10 hồ sơ.

Tất cả việc làm không hồ sơ đều do Võ Thị T và Ngô Thị H thực hiện, Bùi Xuân V đi biển và có biết việc bà Võ Thị T nhờ Ngô Thị H giúp làm không hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu. Bùi Xuân V chỉ tham gia ký tên vào hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí nhiên liệu và viết giấy ủy quyền cho Võ Thị T nhận tiền hỗ trợ tại Kho bạc Nhà nước huyện H. Bùi Xuân V đã khắc phục hậu quả 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi khởi tố Võ Thị T bị tai biến nằm một chỗ không đi lại được và không thể tiến hành lấy lời khai của bà T, nên có đủ cơ sở quy kết Bùi Xuân V cùng với Võ Thị T đã tham gia với Ngô Thị H làm hồ sơ không để được Nhà nước hỗ trợ.

6. Nguyễn Văn L chủ sở hữu tàu cá BD 96579 TS. Từ năm 2013 đến 2015, vợ chồng Nguyễn Văn L và Đặng Thị H D đã liên hệ thỏa thuận và cung cấp giấy tờ tàu cá cho Ngô Thị H. Khi nhận được giấy tờ tàu cá, H nhờ Võ Thị Kim T4 ký không xuất nhập bến, còn giấy xác nhận đảo mua của Lê Văn V, Nguyễn Văn L, Ngô Chí T với giá từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng/01 giấy, ngoài ra, Ngô Thị H còn thuê Lê Văn H, Cao Văn S ký không giấy xác nhận đảo làm 02 hồ sơ, chiếm đoạt 110.000.000đ. Khi có được giấy xuất nhập bến và giấy xác nhận đảo. Ngô Thị H hướng dẫn chủ tàu cá làm 12 hồ sơ đều bằng hình thức ký không giấy xác nhận đảo chiếm đoạt của Nhà nước 640.000.000đ/12 hồ sơ. Gia đình, Nguyễn Văn L đã khắc phục hậu quả 400.000.000đ. Còn 240.000.000đ chưa khắc phục xong. Gia đình Nguyễn Văn L đã chi trả tiền công cho Ngô Thị H là 36.000.000đ (tức 18.000.000đ/01 hồ sơ). Sau khi Ngô Thị H bị bắt, vợ chồng Nguyễn Văn L tiếp tục trả tiền công làm 02 hồ sơ còn lại cho Đặng Văn L (chồng Ngô Thị H) là 36.000.000đ. Tổng cộng, đã trả cho Ngô Thị H là 64.000.000đ. Đặng Văn L đã nộp lại số tiền 34.000.000đ cho cơ quan điều tra.

7. Đỗ R chủ sở hữu tàu cá BD 96340 TS. Từ năm 2013 đến 2016, Đỗ R đã liên hệ thỏa thuận và cung cấp giấy tờ tàu cá cho Ngô Thị H làm không 11 hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu bằng hình thức ký không xác nhận đảo, chiếm đoạt của Nhà nước 475.000.000 đồng/09 hồ sơ. Đỗ R đã trả tiền công làm không hồ sơ cho Ngô Thị H 18.000.000/01 hồ sơ, riêng có một lần trả tiền công cho Ngô Thị H với số tiền 10.000.000đ/01 hồ sơ. Tổng cộng đã trả cho Ngô Thị H là 154.000.000 đồng/09 hồ sơ.

Ngoài ra, năm 2013 vợ chồng Đỗ R và Nguyễn Thị Chiêu còn cung cấp giấy tờ tàu cá cho Lê Văn G làm không 02 hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu đều bằng hình thức ký không xác nhận đảo, chiếm đoạt của Nhà nước 90.000.000 đồng/02 hồ sơ. Sau khi nhận được tiền hỗ trợ, Đỗ R đã trả tiền công làm không hồ sơ cho Lê Văn G 15.000.000/01 hồ sơ, tổng cộng đã trả 30.000.000/02 hồ sơ. Như vậy, từ năm 2013 đến 2016, Đỗ R đã làm không tổng cộng 13 hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu tàu cá khai thác hải sản xa bờ, chiếm đoạt của Nhà nước 565.000.000 đồng/11 hồ sơ. Đỗ R chưa khắc phục hậu quả.

8. Võ Hoàng T chủ sở hữu 02 tàu cá BD 96954 TS và BD 95505 TS. Từ năm 2013 đến 2015, Võ Hoàng T cùng vợ là Nguyễn Thị Hiệp đã liên hệ, thỏa thuận và cung cấp các giấy tờ tàu cá cho Ngô Thị H làm không 12 hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu chiếm đoạt của Nhà nước 545.000.000 đồng/11 hồ sơ và đã khắc phục hậu quả 60.000.000 đồng, còn số tiền 485.000.000đ chưa khắc phục cho Nhà nước.

9. Nguyễn C chủ sở hữu tàu cá BÐ 97205 TS. Năm 2014, vợ chồng Nguyễn C có mượn của Ngô Thị H với số tiền là 130.000.000đ để mua máy thủy lực thay cho tàu cá. Sau đó, thỏa thuận với Ngô Thị H làm giả hồ sơ và ủy quyền cho Ngô Thị H nhận tiền hỗ trợ 04 hồ sơ đầu thì được H đồng ý. Từ năm 2014 đến 2015, vợ chồng Nguyễn C và Huỳnh Thị Vòn đã liên hệ thỏa thuận và cung cấp giấy tờ tàu cá cho Ngô Thị H để H gửi cho Nguyễn Đình D (trạm trưởng Trạm Biên phòng H, tỉnh Khánh Hòa) ký xuất nhập bến và mua giấy xác nhận đảo của Nguyễn Văn L, Ngô Chí T với giá từ 2 triệu đến 3 triệu đồng/01 giấy và thuê Lê Văn H mang giấy xác nhận đảo để ký khống, giúp Ngô Thị H làm khống 08 hồ sơ hồ, chiếm đoạt của Nhà nước 525.000.000 đồng/07 hồ sơ. Nguyễn C đã khắc phục hậu quả 130.000.000 đồng, còn lại số tiền 395.000.000đ chưa khắc phục cho Nhà nước.

10. Lý T B chủ sở hữu tàu cá BÐ 96222 TS. Từ năm 2013 - 2014, Lý T B và vợ là Nguyễn Thị Như Thủy đã liên hệ, thỏa thuận và cung cấp giấy tờ tàu cá cho Ngô Thị H để làm khống 08 hồ sơ, bằng hình thức ký khống giấy xác nhận đảo, chiếm đoạt của Nhà nước 425.000.000 đồng/07 hồ sơ. Lý T B đã khắc phục hậu quả 230.000.000 đồng. Còn lại số tiền 195.000.000đ, chưa khắc phục cho Nhà nước. Lý T B đã trả tiền công cho Ngô Thị H là 115.000.000 đồng/07 hồ sơ.

11. Nguyễn Phước T chủ sở hữu tàu cá BÐ 96110 TS. Từ năm 2013 đến 2015 thực tế này không khai thác vùng biển xa, không trực tiếp đến các đảo xa để ký xác nhận đảo và cũng không đủ điều kiện để được hỗ trợ chi phí nhiên liệu, mà vợ, chồng Nguyễn Phước T đã thông qua Ngô Thị H làm giả 12 hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu bằng hình thức ký khống giấy xác nhận đảo, chiếm đoạt của Nhà nước 350.000.000 đồng/12 hồ sơ. Gia đình chủ tàu cá đã khắc phục nộp lại cho Nhà nước là 190.000.000 đồng, còn lại số tiền 160.000.000đ chưa khắc phục cho Nhà nước.

12. Cao Văn S chủ sở hữu tàu cá BÐ 96476 TS. Tàu cá được Chi cục Thủy sản B Định lắp đặt một máy nhấn tin định vị HF. Năm 2014, vợ chồng Cao Văn S đến nhà Ngô Thị H vay số tiền 100 triệu đồng và H bàn bạc với Cao Văn S và thuê S mang một số mẫu giấy xác nhận đảo và máy HF đến đảo xa để ký xác nhận và nhấn tin định vị máy HF giúp Ngô Thị H làm cho 03 chủ tàu cá như Nguyễn V, Võ Hoàng T, Ngô Văn Tốt làm khống 03 hồ sơ, bằng hình thức ký giấy xác nhận đảo, chiếm đoạt của Nhà nước 185.000.000 đồng. Ngô Thị H trả tiền thuê Cao Văn S là 31.000.000đ. Cao Văn S đã nộp lại số tiền 31.000.000đ.

13. Lý Văn T chủ sở hữu tàu cá BÐ 96550 TS. Năm 2016, thực tế tàu cá này không khai thác ở vùng biển xa, không trực tiếp đến các đảo xa để ký xác

nhận hồ sơ nên không đủ điều kiện để được hỗ trợ chi phí nhiên liệu, nhưng Lý Văn T đã liên hệ với Ngô Thị H làm giả hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu thì được H đồng ý và thỏa thuận tiền công làm hồ sơ là 18.000.000 đồng/01 hồ sơ. Sau khi thống nhất, Lý Văn T về nhà lấy giấy tờ tàu cá đưa cho Ngô Thị H để H gửi đi ký không giấy xác nhận đảo làm giả 03 hồ sơ, chiếm đoạt của Nhà nước 110.000.000 đồng.

Ngoài ra trong vụ án này còn có 127 chủ tàu cá khác đã có hành vi cùng Ngô Thị H làm khống các giấy tờ để chiếm đoạt tiền của nhà nước nhưng không bị khởi tố hoặc đã được cơ quan điều tra, VKSND tỉnh B Định đình chỉ khởi tố, truy tố theo chính sách hình sự cá biệt.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HS-ST ngày 30/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh B Định đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Thị H, Trương Văn L, Đỗ R, Võ Hoàng T, Nguyễn C, Cao Văn S đều phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

* Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị H 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 15.5.2018.

* Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 BLHS;

- Xử phạt: Bị cáo Trương Văn L 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 26.5.2017 đến 19.01.2018.

* Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ R 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

* Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 BLHS.

- Xử phạt: Bị cáo Võ Hoàng T 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

* Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn C 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án

* Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Xử phạt: Cao Văn S 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

* **Về bồi thường thiệt hại:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 của BLHS năm 2015; Buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả lại cho bị hại là UBND tỉnh B Định số tiền cụ thể như sau:

- Bị cáo Ngô Thị H phải nộp số tiền 455.000.000đ.
- Bị cáo Đỗ R phải nộp số tiền 565.000.000đ
- Bị cáo Trương Văn L số tiền 645.000.000đ.
- Bị cáo Nguyễn C phải nộp số tiền 195.000.000đ
- Bị cáo Nguyễn Phước P phải nộp số tiền 160.000.000đ. (đã nộp xong)
- Bị cáo Võ Hoàng T phải nộp số tiền 485.000.000đ
- Bị cáo Lý Văn T phải nộp số tiền 110.000.000đ. (đã nộp xong)
- Bị cáo Bùi Xuân V nộp số tiền 450.000.000đ. (đã nộp xong)
- Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp số tiền 240.000.000đ. (đã nộp xong)
- Bị cáo Lý T B phải nộp số tiền 195.000.000đ (đã nộp xong)
- Bị cáo Nguyễn Phước T phải nộp số tiền 160.00.000đ (đã nộp xong)
- Lê Văn Hương phải nộp số tiền 400.000.000đ.
- Phan Cơ L phải nộp số tiền 380.000.000đ.
- Đinh Văn M phải nộp số tiền 335.000.000đ.
- Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 280.000.000đ.
- Võ T T phải nộp số tiền 255.000.000đ.
- Lê Văn Thêm phải nộp số tiền 117.000.000đ.
- Trương Văn H phải nộp số tiền 144.000.000đ.
- Đỗ Văn G phải nộp số tiền 516.000.000đ.
- Đỗ Văn N phải nộp số tiền 645.000.000đ.
- Trần Minh P phải nộp số tiền 215.000.000đ.
- Đặng Văn H phải nộp số tiền 165.000.000đ.

Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp để đảm bảo thi hành án.

(Theo các biên lai thu tiền số 08062, 08059, 08037, 08067, 08073, 08100, 08097, 08071, 08066, 08099, 08106, 08126, 08130 của Cục THADS tỉnh B Định và Theo ủy nhiệm chi số 03 ngày 09.7.2019 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh B Định và Cục THADS tỉnh B Định)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn C, bị cáo Cao Văn S kháng cáo với cùng nội dung xin được hưởng án treo.

Bị cáo Đỗ R, bị cáo Trương Văn L kháng cáo với cùng nội dung xin được miễn trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Võ Hoàng T kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền còn phải bồi thường cho nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn N, Đỗ Văn G, Đinh Văn M và Nguyễn Thị N kháng cáo cùng với nội dung yêu cầu xem xét lại số tiền còn phải hoàn trả cho nhà nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Trương Văn L, Đỗ R, Nguyễn C đều vắng mặt; bị cáo Cao Văn S có mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nhưng người có quyền và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm như sau: Kháng cáo của các bị cáo Võ Hoàng T, Nguyễn C, Cao Văn S, Đỗ R, Trương Văn L và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là hợp lệ đủ điều kiện cấp phúc thẩm xem xét. Đối với bị cáo Võ Hoàng T đã chết đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm. Xét kháng cáo của các bị cáo và những người liên quan thấy Tòa án sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt các bị cáo và buộc bồi thường là đúng pháp luật; tại cấp phúc thẩm các bị cáo và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới khác; do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Trương Văn L, Đỗ R, Nguyễn C vắng mặt.

Bị cáo Cao Văn S trình bày: Án sơ thẩm xử tôi 18 tháng tù là nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tôi đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, tôi ăn năn hối cải về hành vi của mình xin được hưởng án treo.

Bị cáo Ngô Thị H trình bày: Về số tiền Tôi phải trả cho Nhà nước Tôi đã khắc phục, việc bị cáo Võ Hoàng T và những người liên quan yêu cầu Tôi phải trả số tiền mà án sơ thẩm đã buộc họ trả Tôi không đồng ý; Tôi thừa nhận có nhận tiền của bị cáo T và những người liên quan nhưng để trừ nợ trong quan hệ vay nợ làm ăn, giấy nợ đã nộp công an điều tra còn tôi để ở nhà. Đối với bị cáo Cao Văn S Tôi có nhờ làm giả hồ sơ một lần đối với 3 chủ tàu nhưng chưa làm được, bị cáo S không nhận tiền chiếm đoạt gì của Nhà nước, đề nghị Tòa án phúc thẩm miễn hình phạt và giảm cho bị cáo S.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn C trình bày: Tại phiên tòa hôm nay vợ của bị cáo C trình bày sau khi xử sơ thẩm gia đình đã nộp đủ số tiền đền bù thiệt hại cho Thi hành án, đề nghị miễn hình phạt tù cho bị cáo C.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ R, Trương Văn L trình bày: Hiện nay hoàn cảnh bị cáo Đỗ R, Trương Văn L rất khó khăn đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước, miễn trách nhiệm hình sự. Sau này các bị cáo sẽ cố gắng hoàn trả tiền cho nhà nước, do hoàn cảnh khó khăn nên các bị cáo chưa thể bồi thường ngay được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Tại các bản lời khai, kết luận điều tra của bị cáo H, người liên quan đều thống nhất vấn đề giao dịch, làm hồ sơ. Vấn đề bỏ máy nâng công suất theo bà H là mua bán máy, đòi nợ, vay mượn tiền nhưng trong hồ sơ thể hiện không có giao dịch này, bà H cho rằng giấy này để ở nhà. Đ giao dịch dân sự hai bên, còn tiền thu lợi bất chính từ làm sai hồ sơ không thể khấu trừ giao dịch dân sự. Mong Hội đồng xét xử xem xét toàn diện về lời khai, quy trình thực hiện. Nhận thấy có đủ căn cứ chứng minh có nhận tiền hưởng lợi mà người liên quan kháng cáo, trách nhiệm thuộc về bị cáo H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Văn N trình bày: Bà H phải trả tiền Bà đã nhận, còn tôi phải trả số tiền 114.000.000, đồng đề nghị xem xét.

Ông Đỗ Văn G trình bày: Đề nghị buộc bà H trả 396.000.000, đồng, còn tôi phải trả 120.000.000, đồng.

Ông Đinh Văn M trình bày: Đề nghị buộc bà H trả cho UBND tỉnh 320.000.000, đồng còn tôi phải trả 55.000.000, đồng đã nộp 40 triệu còn phải trả 15.000.000, đồng đề nghị xem xét.

Bà Nguyễn Thị N trình bày: Đề nghị bà H phải trả cho UBND tỉnh B Định 129.000.000, đồng bà H đã nhận, tôi chỉ phải trả 151.000.000, đồng đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Đỗ R, Trương Văn L, Nguyễn C đã hai lần vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo.

[2] L dụng Chính phủ ban hành Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích, hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản và dịch vụ hải sản trên các vùng biển xa. Từ năm 2012 đến năm 2016, có 183 chủ tàu cá đã thông qua Ngô Thị H, Nguyễn Thị T T, Huỳnh Thị Bích H, Phạm Văn T1, Nguyễn Thiện Q, Nguyễn T D, Đặng Hoàng T2, Lê Văn G , Lê Văn V và tên P (không rõ họ tên) đã lập khống 928 hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu chiếm đoạt của nhà nước 40.051.000.000, đồng; trong đó, Ngô Thị H đã mua giấy xác nhận đảo của Nguyễn Văn L, Ngô Chí T, Lương Duy H, Đặng N N và tên T (không rõ họ tên) mua của Võ Thị Kim T4, Phan Thị N, Lê Văn V để làm khống cho 183 chủ tàu với số lượng 885 hồ sơ, chiếm đoạt 37.762.000.000, đồng, các chủ tàu đã khắc phục hậu quả 32.504.000.000, đồng; còn lại 7.547.000.000, đồng chưa khắc phục; riêng Ngô Thị H được các chủ tàu cá chi trả số tiền 9.200.300.000, đồng; còn Huỳnh Thị Bích H, Đặng Hoàng T2, Phạm Văn T1, Nguyễn Thiện Q, Nguyễn Thị T T, Nguyễn T D, Lê Văn G , Lê Văn V và tên P (không rõ họ tên) làm hồ sơ cho 16 chủ tàu, với số lượng 43 hồ sơ chiếm đoạt số tiền 2.289.000.000 đồng các chủ tàu đã trả tiền công với số tiền 688.000.000, đồng. Tòa án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015 là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Đỗ R, Trương Văn L, Nguyễn C, Cao Văn S, Võ Hoàng T:

[3.1] Xét kháng cáo các bị cáo Đỗ R, Trương Văn L, Nguyễn C, thấy:

Các bị cáo thông qua bị cáo Ngô Thị H làm khống nhiều giấy tờ để chiếm đoạt tiền của nhà nước với giá trị lớn, phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS; bị cáo Đỗ R chiếm đoạt 565.000.000, đồng chưa nộp lại; bị cáo Trương Văn L chiếm đoạt 885.000.000, đồng đã nộp khắc phục 240.000.000, đồng còn lại 645.000.000, đồng; bị cáo Nguyễn C chiếm đoạt 525.000.000, đồng đã nộp khắc phục 330.000.000, đồng còn lại phải nộp 195.000.000, đồng; các bị cáo điều phạm tội 2 lần trở lên nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự cho từng bị cáo đồng thời áp dụng quy định tại Điều 54 BLHS xử phạt các bị cáo Đỗ R 9 năm tù, Trường Văn L 8 năm tù, Nguyễn C 7 năm tù là nhẹ có lợi cho các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo R, L, C kháng cáo nhưng điều vắng mặt tại các phiên tòa phúc thẩm(hai lần vắng mặt), không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới khác; do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Về trách nhiệm bồi thường dân sự tại phiên tòa Vợ của bị cáo Nguyễn C cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm gia đình đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền bồi thường cho cơ quan Thi hành án B Định, nhưng không có chứng cứ gì để xuất trình Hội đồng xét xử xem xét, do đó không được chấp nhận; Hội đồng xét xử giữ nguyên mức bồi thường án sơ thẩm, trường hợp gia đình bị cáo đã nộp sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

[3.2] Đối với bị cáo Cao Văn S, thấy: Tại phiên tòa bị cáo H cho rằng bị cáo S chỉ phạm tội một lần nhưng chưa thành, bị cáo S không nhận tiền chiếm đoạt. Bị cáo Cao Văn S là chủ sở hữu tàu cá BD 96476 TS đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Ngô Thị H làm giả các giấy xác nhận đảo và máy HF đến đảo xa (ký xác nhận và nhả tin định vị máy HF giúp Ngô Thị H làm không 03 hồ sơ) chiếm đoạt của Nhà nước 185.000.000 đồng, được Ngô Thị H trả tiền thuê là 31.000.000đ; bị cáo Cao Văn S đã nộp lại toàn bộ số tiền 31.000.000, đồng chiếm đoạt; trong vụ án này những người có hành vi chiếm đoạt như bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả được miễn trách nhiệm hình sự theo chính sách khoan hồng của Nhà nước (Thông báo số 2568/TB-ANĐT P2 ngày 15/11/2017 ý kiến của Liên ngành tổ tụng trung ương); Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, hành vi phạm tội của bị cáo S xuất phát từ việc bị cáo có nợ tiền của bị cáo H nên lệ thuộc và theo lời xúi dục của bị cáo H, đã khắc phục hậu quả; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn (UBND xã H xác nhận); do đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục trong thời gian thử thách cùng đảm bảo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3.3] Đối với cáo Võ Hoàng T: Bị cáo có đơn kháng cáo về trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bản án sơ thẩm, trong thời gian thụ lý giải quyết phúc thẩm bị cáo Võ Hoàng T đã chết vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 27/3/2020 (do gia đình bị cáo cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm) tại Trường An 2, Hoài T, H, B Định. Theo đơn kháng cáo của bị cáo, bị cáo cho rằng án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 485 triệu, số tiền này bị cáo đã đưa cho bị cáo H nhận 370 triệu nên bị cáo chỉ phải trả 115 triệu. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Ngô Thị H không thừa nhận trả số tiền 370 triệu như đơn kháng cáo của bị cáo. Tòa án sơ thẩm đã buộc bị cáo Võ Hoàng T phải trả số tiền đã chiếm đoạt

485.000.000, đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ đúng pháp luật; tại cấp phúc thẩm không có chứng cứ nào mới khác do đó, Hội đồng xét xử giữ nguyên mức bồi thường của án sơ thẩm. Do bị cáo đã chết nên khi thi hành bản án Cơ quan Thi hành án căn cứ vào tài sản để lại của bị cáo Võ Hoàng T, buộc những người thừa kế di sản và quản lý di sản của Võ Hoàng T (hàng thừa kế thứ nhất gồm mẹ, vợ và các con của Võ Hoàng T) phải thực hiện việc bồi thường trong phạm vi tài sản của bị cáo T để lại.

[4] Về kháng cáo xem xét lại mức bồi thường của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đỗ Văn N, Đỗ Văn G, Đinh Văn M và Nguyễn Thị N, thấy: Các yêu cầu kháng cáo đều cho rằng bị cáo Ngô Thị H phải chịu trách nhiệm bồi thường: Đối với ông Đỗ Văn N số tiền 531.000.000, đồng; đối với ông Đỗ Văn G số tiền 396.000.000, đồng; đối với ông Đinh Văn M 320.000.000, đồng; đối với bà Nguyễn Thị N là 129.000.000, đồng; tuy nhiên bị cáo Ngô Thị H không thừa nhận; những người liên quan kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ; Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn N, Đỗ Văn G, Đinh Văn M và Nguyễn Thị N giữ nguyên bồi thường thiệt hại của bản án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự; về bồi thường thiệt hại; tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp để đảm bảo thi hành án; vật chứng vụ án, về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Với tính chất và mức độ phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Thị H, mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Ngô Thị H 10 năm tù là quá nhẹ chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; về trách nhiệm bồi thường dân sự Tòa án sơ thẩm không tuyên buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho người bị hại là không đúng pháp luật, những người đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng được miễn trách nhiệm hình sự chưa đúng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bị cáo Ngô Thị H về hình phạt tù và trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền các bị cáo đã gây thiệt hại, miễn trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được miễn cho đúng pháp luật.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm số tiền: 200.000,(Hai trăm ngàn) đồng, theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Văn L, Đỗ R, Nguyễn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn N, Đỗ Văn G, Đinh Văn M và Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2019/HS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B Định. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn S, sửa bản án sơ thẩm như sau:

* Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Trương Văn L 08 (tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 26.5.2017 đến 19.01.2018.

* Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ R 09 (chín) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

* Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn C 07 (bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án

* Áp dụng: điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Cao Văn S 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 18/9/2020). Giao bị cáo Cao Văn S cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, B Định giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo

có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

*** Về bồi thường thiệt hại:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả lại cho bị hại là Ủy ban nhân dân tỉnh B Định số tiền cụ thể như sau:

- Bị cáo Ngô Thị H phải nộp số tiền 455.000.000, đồng (Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng).

- Bị cáo Võ Hoàng T(C) phải nộp số tiền 485.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Đinh Văn M phải nộp số tiền 335.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

- Nguyễn Thị N phải nộp số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

- Đỗ Văn G phải nộp số tiền 516.000.000 đồng (Năm trăm mười sáu triệu đồng).

- Đỗ Văn N phải nộp số tiền 645.000.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

2. Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm về hình phạt tù đối với bị cáo Ngô Thị H và trách nhiệm liên đới bồi thường dân sự của bị cáo đối với người bị hại, những người là chủ tàu cá có dấu hiệu tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng chưa bị xem xét trách nhiệm hình sự, được miễn trách nhiệm hình sự.

3. Các Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2019/HS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B Định về trách nhiệm hình sự; về bồi thường thiệt hại; về tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp để đảm bảo thi hành án; về vật chứng vụ án; về án phí hình

sự và dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Trương Văn L, Đỗ R, Nguyễn C phải chịu 200.000, đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Cao Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn N, Đỗ Văn G, Đinh Văn M và Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000, đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh B Định;
- VKSND tỉnh B Định;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh B Định;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh B Định;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh B Định;
- Sở Tư pháp tỉnh B Định;
- Cục THADS tỉnh B Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh B Định;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn